

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2026/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 19 tháng 10 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định tỷ lệ chi phí quản lý; mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 321/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Thông tư số 44/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 95/2025/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 778/TTr-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 196/BC-VHXXH ngày 16 tháng 10 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định tỷ lệ chi phí quản lý; mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tỷ lệ chi phí quản lý; mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp đến người thụ hưởng (*đối với trường hợp cơ quan được cấp có thẩm quyền giao thực hiện chi trả*) thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Sở Nội vụ, Sở Tài chính.
- b) Ủy ban nhân dân các xã, phường.
- c) Người trực tiếp thực hiện chi trả trợ cấp đến người thụ hưởng (*đối với trường hợp cơ quan được cấp có thẩm quyền giao thực hiện chi trả*).
- d) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Tỷ lệ chi phí quản lý và mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp đến người thụ hưởng

1. Tỷ lệ chi phí quản lý

a) Tỷ lệ chi phí quản lý phân bổ cho cơ quan, đơn vị cấp tỉnh không quá 20% và cho Ủy ban nhân dân cấp xã không quá 80% tổng kinh phí chi quản lý thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng được cấp có thẩm quyền giao hằng năm.

b) Tỷ lệ chi phí quản lý phân bổ giữa các xã, phường được xác định theo phương pháp tính, như sau:

$$T_x = \frac{a_x \times b_x}{\sum_{i=1}^n (a_i \times b_i)} \times 100$$

Trong đó:

- T_x là tỷ lệ kinh phí của xã, phường x (*xã, phường đang được tính toán*).
- a_x là số người hưởng trợ cấp hàng tháng của xã, phường x .
- b_x là hệ số khu vực của xã, phường x (xã, phường khu vực I: Hệ số 1; xã, phường khu vực II: Hệ số 1,1; xã, phường khu vực III: Hệ số 1,2. Số liệu xã, phường khu vực I, II, III căn cứ vào quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền).
- $a_x \times b_x$ là tích giữa số người hưởng trợ cấp hàng tháng và hệ số khu vực của xã, phường x .
- $\sum_{i=1}^n (a_i \times b_i)$ là tổng các tích giữa số người hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng và hệ số khu vực của tất cả các xã, phường trên địa bàn tỉnh, được tính theo công thức:

$$\sum_{i=1}^n (a_i \times b_i) = a_1 \times b_1 + a_2 \times b_2 + \dots + a_n \times b_n$$

Trong đó:

+ i là chỉ số của từng xã, phường, với $i = 1, 2, \dots, n$;

- + n là tổng số xã, phường trên địa bàn tỉnh;
- + a_i là số người hưởng trợ cấp hằng tháng của xã, phường thứ i ;
- + b_i là hệ số khu vực của xã, phường thứ i ;

Tỷ lệ xác định theo công thức trên là căn cứ xác định mức kinh phí phân bổ cho từng xã, phường.

2. Mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp đến người thụ hưởng (đối với trường hợp cơ quan được cấp có thẩm quyền giao thực hiện chi trả): 0,45% trên số tiền đã thực hiện chi trả.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031, Kỳ họp chuyên đề thứ 4 thông qua ngày 19 tháng 10 năm 2026./.

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ủy ban công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trang thông tin đại biểu dân cử tỉnh;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ, việc làm, người có công tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Lò Minh Hùng